

Số: 162 /BC-UBND

Bình Định, ngày 20 tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO

### Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định Quý III năm 2024

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý III năm 2024 như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

##### 1. Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh luôn quan tâm đến công tác chỉ đạo, điều hành đối với nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh với quan điểm “*Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ*” cùng với “*Tinh thần làm việc dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung*”<sup>1</sup> nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Trong Quý III, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh đã ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024<sup>2</sup> gồm 23 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể được phân công trực tiếp cho các cơ quan tham mưu các lĩnh vực trong công tác cải cách hành chính của tỉnh, xác định các nhiệm vụ triển khai theo đúng tiến độ thời gian, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong “Chương trình hành động số 09- CTTr/TU của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025” và trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, phấn đấu hoàn thành mục tiêu kết quả Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước, thuộc nhóm 03 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh Bình Định đến năm 2025<sup>3</sup> xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể gắn với phân công trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức liên quan, nhất là Người đứng đầu trong công tác tổ chức triển khai thực hiện để tạo chuyển biến đồng bộ, thực chất trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần của các chỉ số cho đến năm 2025. Nhằm triển khai tập trung, thực hiện hiệu quả nhất quán các nhiệm vụ, ngày

<sup>1</sup> Thông báo số 358/TB-UBND ngày 13/9/2024 kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 9 năm 2024.

<sup>2</sup> Quyết định số 92/QĐ-BCĐ ngày 08/7/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án

<sup>3</sup> Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 05/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18/7/2024, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh. Tại Hội nghị, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương chủ động rà soát, đánh giá lại toàn bộ các nội dung đạt điểm thấp hoặc giảm điểm so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025 để có giải pháp kịp thời khắc phục, cải thiện. Trong đó lưu ý, đối với các chỉ số thành phần đạt thấp, còn dưới mức điểm trung bình thì phải có giải pháp mang tính đột phá để tạo sự chuyển biến rõ nét ngay trong năm 2024. Đặc biệt là những vấn đề tồn tại đã xác định được nguyên nhân chủ yếu do các yếu tố mang tính chủ quan của Người đứng đầu, cán bộ, công chức các cơ quan Nhà nước thì phải kiên quyết, tập trung khắc phục ngay. Đồng thời, căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND và tình hình thực tiễn tại cơ quan, đơn vị mình đề ra những giải pháp khả thi, phù hợp; phân công trách nhiệm theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm đối với từng chỉ tiêu, tiêu chí thành phần, rõ thời gian và rõ kết quả<sup>4</sup>.

UBND tỉnh đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2024 đề ra<sup>5</sup>, các cấp, các ngành đã có nhiều nỗ lực, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tiễn và mang lại hiệu quả thiết thực. Bên cạnh việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản<sup>6</sup> chỉ đạo, điều hành, đôn đốc việc thực hiện, rà soát, đánh giá triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính trong những tháng cuối năm 2024 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ. Những kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp được nâng lên, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để phát huy nội lực, thu hút tốt nguồn lực bên ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 2. Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

Năm 2024, UBND tỉnh xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm trên 06 lĩnh vực của nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh<sup>7</sup>. Đến ngày 14/9/2024, đã hoàn thành **17/30 nhiệm vụ** đề ra, các quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo tiến độ đảm bảo mục tiêu chung đề ra (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

<sup>4</sup> Thông báo số 294/TB-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh về ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Hải Giang, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh.

<sup>5</sup> Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND tỉnh.

<sup>6</sup> Công văn số 6189/UBND-KSTT ngày 13/8/2024 về việc thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ tại phiên họp thứ tám; Công văn số 7015/UBND-KSTT ngày về việc tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh; Thông báo số 234/TB-UBND ngày 12/6/2024 kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024; Thông báo số 311/TB-UBND ngày 07/8/2024 kết luận của Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh tại Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 8 năm 2024; Thông báo số 358/TB-UBND ngày 13/9/2024 kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 9 năm 2024.

<sup>7</sup> Kế hoạch số 4935/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh.

Trong Quý, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành **15 văn bản** chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ.

### **3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính**

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh<sup>8</sup> nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác CCHC, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra các nội dung theo yêu cầu: kiểm tra toàn diện công tác CCHC, kiểm tra chuyên đề công tác giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra đột xuất; đến nay, đã tiến hành kiểm tra 06 huyện<sup>9</sup> theo kế hoạch. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh năm 2024<sup>10</sup>, trong quý III, Ban chỉ đạo kiểm tra hoạt động công vụ, Tổ công tác về kiểm tra công vụ đã kiểm tra hoạt động công vụ đối với 21 lượt/21 địa phương; qua kiểm tra, hầu hết các địa phương chấp hành tốt các nội dung được kiểm tra: UBND cấp xã tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính kịp thời cho người dân; cán bộ, công chức chấp hành đúng quy chế làm việc và văn hóa công vụ. Các Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo sẽ tiến hành kiểm tra tại 5 huyện<sup>11</sup> theo Kế hoạch kiểm tra Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy.

### **4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo tăng cường các hình thức truyền thông về công tác cải cách hành chính tại chuyên trang, chuyên mục của các cơ quan truyền thông của tỉnh và trên các nền tảng chuyển đổi số, tuyên truyền các cơ quan truyền thông, các ứng dụng nền tảng số tuyên truyền về Hội nghị triển khai nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh. Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Tài khoản Zalo chính thức (Zalo Official Account) của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã đăng 47 tin, bài tuyên truyền các nội dung liên quan đến cải cách hành chính. Báo Bình Định đã có khoảng 60 tin, bài liên quan đến công tác cải cách hành chính được thực hiện và đăng trên Báo tại các chuyên mục Cải cách hành chính trên Trang Xây dựng Đảng - chính quyền (số thứ 2 hằng tuần), chuyên đổi số trên trang Khoa học công nghệ (số thứ 5 hằng tuần) và đặc san đặc biệt số Quốc khánh (2.9). Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định phát sóng định kỳ mỗi phóng sự hằng tuần chuyên mục Cải cách hành chính trên đài truyền hình BTV của tỉnh về các mô hình hiệu quả đang thực hiện tại các cơ quan, địa phương như: Mô hình Thứ ba "Ngày không viết" – Thứ năm "Ngày không hẹn" thực hiện tại UBND

<sup>8</sup> Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND tỉnh

<sup>9</sup> Các huyện: Hoài Ân, Tây Sơn, Vân Canh, Tuy Phước, An Lão, Phù Cát.

<sup>10</sup> Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh.

<sup>11</sup> An Lão, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh.

phường Trần Hưng Đạo (TP Quy Nhơn), mô hình hành chính phục vụ người dân ở thị xã Hoài Nhơn, VNPT – iLIS, giải pháp quản lý đất đai trên môi trường số...

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh tổ chức “Cuộc thi tìm hiểu cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2024” với Chủ đề “Vì Nhân dân phục vụ” nhằm đổi mới hình thức thông tin, tuyên truyền gắn với bồi dưỡng, trau dồi, bổ sung kiến thức và nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cải cách hành chính giúp cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm. Qua cuộc thi, phát hiện, đánh giá, nhân rộng làm lan tỏa những ý tưởng, mô hình, sáng kiến, giải pháp mang tính mới góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác cải cách hành chính để phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp khi thực thi công vụ, thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**

Đến nay, tỉnh đã hoàn thành và thực hiện đúng thời hạn đối với **51/131 nhiệm vụ**; UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu triển khai thực hiện theo quy định đối với 80 nhiệm vụ trong hạn.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Cải cách thể chế**

- **Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):** Trong quý III/2024, HĐND, UBND các cấp ban hành 57 văn bản quy phạm pháp luật; trong đó, HĐND, UBND tỉnh ban hành 49 văn bản (18 nghị quyết và 31 quyết định); HĐND, UBND cấp huyện ban hành 08 văn bản (02 nghị quyết và 06 quyết định); HĐND, UBND cấp xã không ban hành văn bản QPPL.

- **Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (THPL):** UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 13/6/2024 xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024<sup>12</sup>. Tham mưu ban hành Công văn số 4556/UBND-NC ngày 17/6/2024 triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024. Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn<sup>13</sup> và tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- **Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL):** Đã tổ chức Hội nghị tập huấn báo cáo viên pháp luật năm 2024. Đồng thời, phát động, triển khai Cuộc thi “Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi năm 2024” trên địa bàn tỉnh. Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh thành lập Đoàn<sup>14</sup> và tổ chức kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 08 cơ quan, đơn vị, địa

<sup>12</sup> Ban hành kèm theo Công văn số 4429/UBND-NC ngày 12/6/2024 của UBND tỉnh.

<sup>13</sup> Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

<sup>14</sup> Quyết định số 87/QĐ-HĐPH ngày 18/7/2023 của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh.

phương<sup>15</sup>. Ngoài ra, các cơ quan phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 03 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống”; tổ chức viết tin, bài tuyên truyền, phổ biến pháp luật đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Bản tin Tư pháp; phát hành tài liệu tuyên truyền pháp luật... nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật đến với toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

**- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:**

+ Công tác tự kiểm tra: đã thực hiện tự kiểm tra 31 văn bản (31 Quyết định của UBND tỉnh). Kết quả, các văn bản do UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo về nội dung, hình thức và thẩm quyền ban hành.

+ Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 08/08 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

+ Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật: các sở, ban, ngành rà soát, tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ 33 văn bản. Trong đó, sửa đổi, bổ sung 09 văn bản (02 nghị quyết của HĐND tỉnh và 07 quyết định của UBND tỉnh; thay thế, bãi bỏ 24 văn bản (05 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 19 Quyết định của UBND tỉnh).

**2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

**- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch<sup>16</sup> rà soát, đánh giá 29 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của 15 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh năm 2024. Trong quý III/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa 19 TTHC. Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông qua phương án đơn giản hóa 29 TTHC (đạt 100% so với Kế hoạch) thuộc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp, Y tế, Nội vụ, Văn hóa và Thể thao, Tài nguyên và Môi trường, Lao động – Thương binh và Xã hội, Công Thương, Du lịch, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ và Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh<sup>17</sup> (trong đó, giảm thời gian giải quyết đối với 22 TTHC và đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ đối với 07 TTHC) với số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa 29 TTHC ước tính hơn 2 tỷ đồng/năm.

<sup>15</sup> Sở Công Thương, Trường THPT Xuân Diệu (Tuy Phước), Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Ban Dân tộc, UBND xã Cát Tài (huyện Phù Cát) và UBND huyện Phù Cát, UBND xã An Quang (huyện An Lão) và UBND huyện An Lão.

<sup>16</sup> Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

<sup>17</sup> Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 12/4/2024, Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 09/5/2024, Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 17/5/2024, Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 17/5/2024, Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 27/6/2024, Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 06/07/2024, Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 18/7/2024, Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 24/7/2024, Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 01/8/2024, Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 01/8/2024, Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 01/8/2024, Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 06/8/2024, Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 14/8/2024, Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 14/8/2024, Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 15/8/2024, Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 17/8/2024, Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 17/8/2024 và Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 17/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 39 Quyết định công bố Danh mục với 486 TTHC (trong đó ban hành mới 174 TTHC, sửa đổi, bổ sung 140 TTHC, thay thế 06 TTHC; bãi bỏ 166 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh; đã thực hiện việc tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Đồng thời, đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 23 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 69 TTHC liên thông và 86 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh.

**- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:**

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục được hoàn thiện và triển khai đồng bộ ở các cấp chính quyền. Mô hình hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở cấp huyện và cấp xã được đổi mới theo hướng chuyển giao doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhận nhiệm vụ “hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC”<sup>18</sup>. Theo đó, kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2023, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã chuyển giao nhiệm vụ “hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC” cho Bưu điện tỉnh thực hiện với việc bố trí 14 nhân viên Bưu điện thay cho 24 công chức, viên chức các sở, ban cử đến. Đối với cấp huyện, đã có 05/11 địa phương hoàn thành việc chuyển giao, thay 100% CCVC bằng nhân viên Bưu điện: Quy Nhơn (Bộ phận Một cửa thành phố Quy Nhơn hiện đã được chuyển về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh từ ngày 01 tháng 4 năm 2024), Vân Canh, Hoài Ân, Tuy Phước, An Lão; 06/11 địa phương đã thực hiện xong thủ tục nhưng chỉ chuyển giao một phần: An Nhơn, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Phù Cát.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản<sup>19</sup> triển khai Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về thực hiện “02 nhóm thủ tục liên thông khai sinh, khai tử”; đồng thời, ban hành văn bản<sup>20</sup> triển khai Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử. Đến nay, đã triển khai 104 thủ tục hành chính (TTHC) đơn giản hóa thông tin, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không phải điền lại. Đồng thời, đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện việc kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh” với “Phần mềm dịch vụ công liên thông” của Bộ Công an và “Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung” của Bộ Tư pháp<sup>21</sup> và đã triển khai áp dụng chính thức kể từ

<sup>18</sup> Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”.

<sup>19</sup> Công văn số 4680/UBND-KSTT ngày 21/6/2024, Công văn số 4692/UBND-KSTT ngày 21/6/2024, Công văn số 4873/UBND-KSTT ngày 27/6/2024, Công văn số 5397/UBND-KSTT ngày 16/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>20</sup> Công văn số 4939/UBND-KSTT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>21</sup> Bình Định là địa phương thứ 7 trên toàn quốc kết nối thành công 02 nhóm dịch vụ công liên thông khai sinh, khai tử.

ngày 05 tháng 8 năm 2024. Theo trích xuất từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, kết quả như sau: (i) Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi: 2.634 hồ sơ, trong đó bao gồm: 2.634 hồ sơ trực tuyến (tỷ lệ 100%), không có hồ sơ trực tiếp, (ii) Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí 627 hồ sơ, trong đó bao gồm: 627 hồ sơ trực tuyến (tỷ lệ 100%), không có hồ sơ trực tiếp, (iii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú 391 hồ sơ, trong đó bao gồm: 391 hồ sơ trực tuyến (tỷ lệ 100%), không có hồ sơ trực tiếp.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: 05 Quyết định ủy quyền cho một số cơ quan, địa phương giải quyết một số TTHC và các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền; Kế hoạch thực hiện cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID trên địa bàn tỉnh Bình Định<sup>22</sup>; Công văn<sup>23</sup> chỉ đạo các cơ quan, đơn vị nâng cao hiệu quả trong công tác tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 4884/VPCP-KSTT ngày 11 tháng 7 năm 2024<sup>24</sup>.

- Triển khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân” trên địa bàn tỉnh<sup>25</sup>. Đến nay đã có 8/11 địa phương<sup>26</sup> xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mô hình này, bước đầu được người dân đồng tình, ủng hộ và đánh giá cao. Trong quý III năm 2024, toàn tỉnh đã có 2.235 trường hợp cấp giấy chứng nhận, thư chúc mừng, thư chia buồn và được lãnh đạo các địa phương trao tận tay đến người dân, trong đó: trao 1.094 thư chúc mừng, 630 giấy chứng nhận kết hôn, 511 thư chia buồn.

- **Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC:** Từ ngày 15/6/2024 đến hết ngày 10/9/2024, toàn tỉnh tiếp nhận 155.763 hồ sơ; trong đó, đã giải quyết và trả kết quả 140.018 hồ sơ (129.519 hồ sơ trước hạn, 10.344 hồ sơ đúng hạn, 155 hồ sơ trễ hạn), đang giải quyết trong hạn 15.740 hồ sơ. Đến nay, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt 99,88%.

- **Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và văn bản triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ TTHC tại các sở, ngành, địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả thực hiện trong quý III năm 2024 như sau:

+ Tỷ lệ số hoá thành phần hồ sơ bình quân chung của cả tỉnh đạt 99,72% (trong đó, cấp tỉnh đạt 99,95%, cấp huyện đạt 99,8%, cấp xã đạt 99,6% vượt chỉ

<sup>22</sup> Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>23</sup> Công văn số 5915/UBND-KSTT ngày 05/8/2024

<sup>24</sup> Theo đó, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 656/VPUBND-KSTT ngày 20/8/2024 Nâng cao chất lượng công tác phối hợp thẩm tra, xử lý hồ sơ công việc trình VBQPPL có quy định thủ tục hành chính.

<sup>25</sup> Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>26</sup> 08 địa phương bao gồm: Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện An Lão, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Tây Sơn, huyện Phù Cát.

tiêu Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (Chính phủ giao 80%, Ủy ban nhân dân tỉnh giao thấp nhất 90%).

+ Tỷ lệ cấp kết quả điện tử bình quân chung của cả tỉnh đạt 96,45% (trong đó cấp tỉnh đạt 98,89%, cấp huyện 92,7%, cấp xã đạt 98,3%), chưa đạt chỉ tiêu Trung ương quy định 100%.

+ Tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa bình quân chung của cả tỉnh đạt 53,83% (trong đó cấp tỉnh đạt 33,8%, cấp huyện 49,5%, cấp xã đạt 71,7%), vượt chỉ tiêu Trung ương quy định (Chính phủ giao 50%) nhưng chưa đạt chỉ tiêu do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thấp nhất 60%.

- **Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC:** Đã tiếp nhận 27 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định (trong đó, có 14 phản ánh, kiến nghị đã xử lý và 13 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý).

### 3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- **Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại cơ quan, địa phương:** Đến nay, có 20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh<sup>27</sup>, 02 cơ quan là tổ chức hành chính nhà nước khác<sup>28</sup>. Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 713 đơn vị sự nghiệp, giảm 08 đơn vị so với năm 2023, nâng tổng số giảm lên 160 đơn vị (tương ứng tỷ lệ giảm 18,33% số đơn vị so với năm 2015, tỷ lệ giảm 9,29% số đơn vị so với năm 2021). Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện<sup>29</sup> với 135 phòng chuyên môn, trong đó 03 huyện<sup>30</sup> có thêm Phòng Dân tộc là cơ quan đặc thù. Việc tổ chức số lượng các sở, ngành thuộc tỉnh và các phòng thuộc UBND cấp huyện thực hiện theo đúng chủ trương, quy định của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của UBND các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định, UBND tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh tại Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 30/5/2024; đồng thời, đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một lần đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025.

- **Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:** UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ thông báo biên chế năm 2024 cho các sở, ban, ngành, địa phương theo quy định; ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề về tình hình

<sup>27</sup> Có 112 phòng chuyên môn và 14 Chi cục và tương đương.

<sup>28</sup> Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (gồm có 10 phòng).

<sup>29</sup> 01 thành phố, 02 thị xã và 08 huyện.

<sup>30</sup> Văn Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão.



hình, kết quả thực hiện chính sách pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, đề án vị trí việc làm và chính sách tinh giản biên chế các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 – 2022.

Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2024 là: Tổng số biên chế công chức là 2.162 biên chế, giảm 25 biên chế so với năm 2023<sup>31</sup>; số lượng người làm việc là 25.397 người, giảm 541 người so với năm 2023<sup>32</sup>; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là: 872 người; Bổ sung 241 biên chế giáo viên công lập năm học 2023 - 2024.

- **Thực hiện chính sách tinh giản biên chế:** Giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với 54 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện với tổng số kinh phí là 10.544.213.000 đồng. Đến nay, tỉnh đã thực hiện tinh giản 43 biên chế công chức so với năm 2021 (2.205 biên chế), tỷ lệ 1.95%/5%; giảm 1.623 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (27.020 người làm việc), tỷ lệ 6%/10%.

- **Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền:** UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước gắn với triển khai thực hiện nhiệm vụ giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ<sup>33</sup>, trong đó đã xác định 40 nội dung/lĩnh vực phân cấp quản lý nhà nước đối với 16 ngành. Hiện nay, UBND tỉnh Bình Định đã thực hiện 25/43 nội dung về phân cấp, ủy quyền quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực tại tỉnh Bình Định giống với mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội<sup>34</sup>.

#### 4. Cải cách chế độ công vụ

- **Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:** UBND tỉnh đã ban hành Quyết định ủy quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập và vị trí việc làm của cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn<sup>35</sup>; Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của 22/22 sở, ban, 11/11 UBND cấp huyện và 720/720 đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả, đã phê duyệt 2.611 vị trí việc làm<sup>36</sup>

<sup>31</sup> cụ thể: 1.240 công chức các sở, ban, ngành tỉnh, giảm 14 biên chế so với năm 2023; 922 công chức các huyện, thị xã, thành phố, giảm 11 biên chế so với năm 2023

<sup>32</sup> cụ thể: Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.603 người; Các đơn vị sự nghiệp y tế: 3.317 người; Các đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao: 585 người; Các đơn vị sự nghiệp khác: 892 người.

<sup>33</sup> Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

<sup>34</sup> Báo cáo số 12/BC-SNV ngày 23/01/2024 về việc nhân rộng mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội.

<sup>35</sup> Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh.

<sup>36</sup> Vị trí lãnh đạo, quản lý: 370 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên ngành: 1.609 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 518 vị trí; vị trí công việc hỗ trợ, phục vụ: 114 vị trí.

trong các cơ quan, tổ chức hành chính và 7.441 vị trí việc làm<sup>37</sup> trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- **Về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức:** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19/01/2024 thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tỉnh Bình Định năm 2024. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đã xác định cụ thể đối tượng, vị trí, lĩnh vực công tác cần phải chuyển đổi trong năm 2024, nhằm phòng ngừa tham nhũng, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, gây phiền hà, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm của từng công chức, viên chức trong xử lý công việc, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp.

Đến nay, đã 39/39 cơ quan, đơn vị, địa phương (28/28 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 11/11 Ủy ban nhân dân cấp huyện) đã tổ chức quán triệt, xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2024 trong phạm vi của cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức và công chức cấp xã: **162** người. Trong đó: **75** công chức, **86** viên chức và **01** công chức cấp xã.

- **Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển):** Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt, cho ý kiến tiếp nhận vào làm công chức không qua kiểm tra, sát hạch đối với **08** trường hợp (gồm 07 trường hợp để bổ nhiệm và 01 trường hợp đã từng là công chức); tham mưu tổ chức tiếp nhận vào làm công chức đối với **28** trường hợp (trong đó, 26 viên chức, 02 công chức cấp xã). Đồng thời, đã xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2024, dự kiến có **71** chỉ tiêu tuyển dụng. Trong 9 tháng đầu năm 2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được duyệt, với tổng số **820** viên chức (trong đó, chỉ tiêu năm 2023: **467** viên chức, chỉ tiêu năm 2024: **353** viên chức).

- **Kết quả đánh giá cán bộ năm 2023:** Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với **30** tập thể và **83** cá nhân cán bộ, lãnh đạo, quản lý năm 2023<sup>38</sup>; Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xếp loại chất lượng năm 2023 đối với **02** tập thể và **26** viên chức quản lý<sup>39</sup> thuộc thẩm quyền. Theo đó, kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của các cơ quan, đơn vị, địa phương như sau: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 7.614 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19.867 người; hoàn thành nhiệm vụ: 514 người, không hoàn thành nhiệm vụ: 106 người.

- **Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:** UBND tỉnh thực hiện bảo đảm kịp thời, đúng quy định. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định: bổ

<sup>37</sup> Vị trí lãnh đạo, quản lý: 1.002 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên ngành: 2.465 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 3.148 vị trí; vị trí công việc hỗ trợ, phục vụ: 826 vị trí.

<sup>38</sup> Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đánh giá, xếp loại: Tập thể: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 6/30, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 24/30; cá nhân: Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 4/28 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 24/28 người; Phó Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 12/55 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 42/55 người, hoàn thành nhiệm vụ: 01/55 người.

<sup>39</sup> Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 3/26 người; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 23/26 người.

nhiệm 04 lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương<sup>40</sup>; bổ nhiệm lại 05 lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương<sup>41</sup>; đồng ý chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với 03 Phó Giám đốc Sở và tương đương<sup>42</sup> và bổ nhiệm lại đối với 03 Phó Giám đốc Sở<sup>43</sup>.

**- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị:** Đã quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với 168/168 cán bộ, công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023 theo thẩm quyền phân cấp.

**- Thực hiện chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức:** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 09/3/2024 triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thực hiện chế độ, chính sách tiền lương đối với **67** cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp sở, cấp huyện: (1) Nâng bậc lương thường xuyên 43 người; (2) Nâng bậc lương trước thời hạn 08 người; (3) Nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu 03 người; (4) Nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung 09 người; (5) Nâng mức phụ cấp thâm niên nghề 06 người; đã ban hành quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 08 người.

**- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024; cụ thể: 10 lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, 08 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, 03 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi công vụ, 16 bồi dưỡng cán bộ, công chức chức cấp xã và 20 lớp bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách xã, thôn. Bên cạnh đó, đã triển khai thực hiện bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024. Đến nay, đã phối hợp bế giảng 01 lớp lãnh đạo, quản lý cấp sở 29 học viên; 01 lớp lãnh đạo, quản lý cấp huyện 17 học viên; 03 lớp lãnh đạo, quản lý cấp phòng 242 học viên; tổ chức Lớp bồi dưỡng chuyên viên cao cấp 47 học viên; 02 lớp chuyên viên chính với 196 học viên; đang triển khai 01 lớp chuyên viên với 102 học viên. Đã tổ chức bồi dưỡng 02 lớp về công tác quản lý ngân sách nhà nước gắn với chuyển đổi số cho 105 học viên.

**- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương:** UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ

<sup>40</sup> Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, 01 Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, 01 Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

<sup>41</sup> Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, 01 Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, 01 Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế, 01 Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

<sup>42</sup> 01 Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải, 01 Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế.

<sup>43</sup> 01 Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ, 02 Phó Giám đốc Sở Y tế.

đạo kiểm tra hoạt động công vụ tỉnh Bình Định, ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh năm 2024<sup>44</sup>. Báo cáo kết quả các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh. Theo đó, đến tháng 7/2024, toàn tỉnh đã có 35 cán bộ, công chức, viên chức vi phạm và bị xử lý kỷ luật. Trong đó, có 20 trường hợp vi phạm trong quá trình công tác, 10 trường hợp vi phạm chính sách dân số, 03 trường hợp vi phạm pháp luật, 01 trường hợp vi phạm về an toàn giao thông, 01 trường hợp vi phạm quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Kết quả: Công chức, viên chức cấp tỉnh: 16 người (01 công chức, 15 viên chức); công chức, viên chức cấp tỉnh: 12 người (01 công chức, 11 viên chức); cán bộ, công chức cấp xã: 07 người (04 cán bộ và 03 công chức cấp xã).

**- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, địa phương:** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025<sup>45</sup>, với 11 chỉ tiêu cần thu hút, tập trung trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, xây dựng, du lịch; phê duyệt nhu cầu thu hút bác sĩ, dược sĩ vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, với 175 chỉ tiêu. Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt chính sách hỗ trợ một lần đối với 15 bác sĩ, dược sĩ và hỗ trợ thuê nhà hàng tháng đối với 56 bác sĩ, dược sĩ.

**- Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức:** UBND tỉnh ban hành Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 về Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định. Đến nay, 100% hồ sơ (32.152 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Định) được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ.

## 5. Về cải cách tài chính công

**- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách** (đến 31/8/2024)

+ Về thu ngân sách nhà nước: tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) thực hiện 8 tháng đầu năm 9.304.003 triệu đồng, đạt 62% dự toán năm, tăng 30,7% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó, thu nội địa thực hiện 8.680.456 triệu đồng, đạt 60,8% so dự toán năm, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2023. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận được chia, lợi nhuận để lại và thu xổ số kiến thiết, thu nội địa thực hiện 4.562.000 triệu đồng, đạt 57% dự toán năm, tăng 9,5% so cùng kỳ.

Trong cơ cấu nguồn thu, có một số khoản vượt mức bình quân phải thu 8 tháng và tăng so với cùng kỳ năm trước như: thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương (tăng 20,5%), thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (tăng 71,8%), thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (tăng 57%), thu khác ngân sách (tăng 91,2%)... Bên cạnh một số khoản thu tăng so với cùng kỳ năm

<sup>44</sup> Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh.

<sup>45</sup> Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh.

trước, vẫn có một số khoản thu ước thực hiện chưa đạt dự toán bình quân phải thu 8 tháng như: thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương (đạt 48%), thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (đạt 62,8%), lệ phí trước bạ (đạt 65,1%), thuế bảo vệ môi trường (đạt 54,6%), thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước (chỉ đạt 5,7%, chủ yếu các ngôi nhà đưa ra đấu giá nhưng không có người tham gia)...vì vậy, đòi hỏi các ngành, các cấp cần quan tâm, tích cực chủ động phối hợp cùng ngành Thuế để triển khai có hiệu quả các biện pháp quản lý, chống thất thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Về chi ngân sách địa phương: tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 8 tháng đầu năm 11.915.628 triệu đồng, đạt 57,4% dự toán năm và tăng 6,2% so cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 6.336.541 triệu đồng, đạt 54,5% dự toán năm và ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 5.579.088 triệu đồng, đạt 61% dự toán năm.

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: Giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đến 31/8/2024 là 5.240,1 tỷ đồng. So với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (7.865,6 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân đạt 66,62%; so với Kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao (9.467,6 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân đạt 52,14% kế hoạch vốn.

- **Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định. UBND tỉnh ban hành các Quyết định<sup>46</sup> về quản lý, sử dụng tài sản công. Đã hoàn thành thực hiện đấu thầu thành công 01 gói thầu mua sắm tập trung trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>) với tổng giá trị dự toán được duyệt là 7.708.430.000 đồng, giá trị trúng thầu là 7.554.074.000 đồng, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước 154.356.000 đồng.

- **Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:** Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 135/135 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó: 08 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 17 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 79 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 31 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

<sup>46</sup> Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 quy định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế); Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 về việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

## 6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- **Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:** Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 01 Nghị quyết; 01 Chỉ thị<sup>47</sup>, 12 Quyết định, 15 Kế hoạch làm cơ sở pháp lý triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn tỉnh. Triển khai nhiệm vụ năm 2024, ngay từ đầu năm Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định<sup>48</sup> họp đánh giá kết quả chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2023, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị khoá XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024<sup>49</sup> với 20 chỉ tiêu và 64 nhiệm vụ trọng tâm. Sở Thông tin và Truyền thông đã có nhiều cố gắng nỗ lực, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số hiệu quả bảo đảm theo tiến độ đề ra; hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) theo mô hình “4 lớp” được duy trì... Qua đó, công tác chuyển đổi số, nhất là lĩnh vực chính quyền số của tỉnh đã có bước chuyển biến rõ nét.

- **Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật:** Cơ bản đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trong đó: Hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Data Center cơ bản đảm bảo và đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin (gồm: Hệ thống văn phòng điện tử; Hệ thống thư điện tử, các trang thông tin điện tử, trực liên thông kết nối, hệ thống dịch vụ đô thị thông minh); Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã kết nối đến 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (gồm: 37 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và 11 UBND các huyện, thị xã, thành phố; 159/159 xã, phường, thị trấn) và kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I do Cục Bưu điện Trung ương quản lý; Hạ tầng mạng internet cáp quang kết nối hộ gia đình đạt trên 73%, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đã phủ đạt 99% số thôn, làng trên địa bàn tỉnh<sup>50</sup> (tăng 2% so với đầu năm); Hệ thống hạ tầng thông tin Dịch vụ công và một cửa điện tử tỉnh được Văn phòng UBND tỉnh thuê dịch vụ CNTT tập trung, đảm bảo tính đồng bộ, lưu trữ trên hệ thống của đơn vị cung cấp dịch vụ.

- **Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng:** Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), phục vụ nhu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tích hợp các hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh: Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Tỉnh đã xây dựng đưa vào sử dụng thử nghiệm Kho dữ liệu số dùng chung và các hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL)

<sup>47</sup> Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh

<sup>48</sup> Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất 03 Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, Ban chỉ đạo Chuyển đổi số và Ban chỉ đạo Đề án 06

<sup>49</sup> Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh

<sup>50</sup> Trong kỳ, đã phối hợp với Điện lực Bình Định kết nối điện lưới, xóa 01 điểm trắng sóng thông tin di động là xã Canh Giao, huyện Vân Canh; hiện tỉnh còn duy nhất làng O2, thuộc huyện Vĩnh Thạnh còn trắng sóng thông tin di động do chưa có hệ thống điện lưới để phủ sóng.

chuyên ngành; đã thực hiện kết nối thử nghiệm Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Bình Định với Hệ thống thông tin nguồn Trung ương đối với 101/159 Đài truyền thanh cấp xã.

- **Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu:** Các hệ thống phần mềm dùng chung được triển khai, ứng dụng hiệu quả trong công tác phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh như: Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Quản lý lịch công tác; Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Phần mềm hợp không giấy. Đến nay, đạt tỷ lệ 50% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh, gồm: Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, tài chính; 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- **Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:** Tỉnh đã xây dựng đưa vào sử dụng Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng Dịch vụ công và các Hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin quản lý đất đai; Hệ thống thông tin quản lý khoáng sản; Hệ thống thông tin quản lý trường học (CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai... từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Đã triển khai hệ thống camera giám sát cho các cụm tháp Chăm, hệ thống thông tin nguồn của tỉnh, thử nghiệm Trợ lý ảo cho cán bộ, công chức tại 07 Sở: Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông.

Một số sở ngành của tỉnh đã triển khai sử dụng nền tảng số như: Nền tảng định danh và xác thực điện tử; Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; Hồ sơ sức khỏe điện tử công dân (nâng cao); Khám chữa bệnh từ xa; phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện (HIS); phần mềm quản lý Công chứng, chứng thực tỉnh...

- **Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp:** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số, giai đoạn 2024 - 2025<sup>51</sup>. Theo đó, triển khai tổ chức các lớp tập huấn, tập huấn nâng cao kỹ năng quản trị trong môi trường số cho doanh nghiệp, cho Tổ công nghệ số cộng đồng; chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu, quảng bá về các giải pháp và ứng dụng các nền tảng số xuất sắc để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số<sup>52</sup>; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch, đưa các sản phẩm của doanh nghiệp của tỉnh lên sàn thương mại điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng chữ ký số; hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp áp dụng hóa đơn thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử.

<sup>51</sup> Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh.

<sup>52</sup> Trong năm đã tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ người dân đưa hơn 200 sản phẩm OCOP lên sàn TMĐT. Số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số đến nay là 554/586 hộ SXNN toàn tỉnh, đạt tỷ lệ 94,5%.

- **Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh:** Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh (IOC) được duy trì với 08 dịch vụ cơ bản<sup>53</sup>. Tổng số lượt tải, cài đặt Smart City Bình Định đến nay đạt gần 10.000 lượt. Ngoài ra, Trung tâm IOC cũng đã kết nối với dịch vụ giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản, cho phép theo dõi hành trình của các tàu cá Bình Định hoạt động trên lãnh hải Việt Nam, thông qua đó biết được thời gian thực để thực hiện cảnh báo khi có thông tin thời tiết xấu trên biển trong mùa mưa bão; xác định vị trí của tàu cá phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn và theo dõi cảnh báo khi tàu cá vi phạm lãnh hải của nước ngoài.

- **Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Định kỳ hàng tháng tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện 07 chỉ tiêu liên quan Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và thông báo công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả từ ngày 15 tháng 6 năm 2024 đến hết ngày 10 tháng 9 năm 2024, toàn tỉnh đã tiếp nhận 136.238 hồ sơ trực tuyến, tăng 81.801 hồ sơ so với cùng kỳ năm trước.

Thực hiện rà soát, công bố sửa đổi, bổ sung Danh mục 31 thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần<sup>54</sup> theo Quyết định số 1556/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Quyết định số 727/QĐ-BLĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quyết định số 2060/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*(Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tại Phụ lục II kèm theo)*

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Ưu điểm

- Công tác cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục được quan tâm sâu sát, đổi mới trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Lãnh đạo nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương. Cải cách hành chính đã được triển khai đồng bộ, sâu rộng trên các lĩnh vực, nhất là công tác Chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được tăng cường. UBND tỉnh luôn tập trung giải quyết những vấn đề có tính cốt lõi, kịp thời tháo gỡ những vấn đề vướng mắc, khó khăn nhằm hỗ trợ kịp thời cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

<sup>53</sup> Bao gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; dịch vụ phản ánh hiện trường; dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; dịch vụ giám sát, an ninh trật tự đô thị; dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; hệ thống giám sát dịch vụ công; hệ thống thông tin kinh tế - xã hội và Dashboard tổng hợp giám sát điều hành.

<sup>54</sup> Theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 và Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.



- Trong các Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội định kỳ hằng tháng, UBND tỉnh đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung trên một số nội dung: tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, địa phương; tình hình giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ TTHC, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC. Qua đó giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

## **2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc**

- Nhiều người dân chưa có chữ ký số cá nhân để ký tờ đơn, tờ khai điện tử khi nộp hồ sơ TTHC trực tuyến; trình tự các bước nộp hồ sơ trực tuyến tuy đã có sự cải tiến, cắt giảm, hạn chế điền thông tin vào mẫu đơn, mẫu tờ khai (đã khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), tuy nhiên vẫn còn khó khăn trong việc nộp hồ sơ trực tuyến.

- Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; chưa có nhiều chuyên viên trong việc đẩy mạnh tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Công tác xây dựng, kết nối, vận hành cơ sở dữ liệu chuyên ngành để nâng hiệu quả quản lý nhà nước vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa đảm bảo liên thông ở một số lĩnh vực.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

**1.** Tiếp tục hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp. Chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số PCI của tỉnh Bình Định đến năm 2025.

**2.** Các cơ quan, đơn vị, địa phương có giải pháp cụ thể, thiết thực và tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020- 2025.

**3.** Tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ cải cách hành

chính; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền về cải cách hành chính. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Kế hoạch được phê duyệt. Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

5. Tiếp tục thực hiện công tác tinh giản biên chế đảm bảo chỉ tiêu theo quy định của giai đoạn 2022-2026, gắn với hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025.

6. Phát huy vai trò nghiên cứu, tham mưu, đề xuất mang tính độc lập đối với công tác phân cấp, phân quyền trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp và phục vụ hiệu quả cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Tập trung thực hiện rà soát, nghiên cứu, xây dựng, vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của đơn vị và phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh dựa trên dữ liệu.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VPCP (Cục Kiểm soát TTHC);
- BTTTT (Cục CDS quốc gia);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

*Thao*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

**Phụ lục I****KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN QUÝ III NĂM 2024***(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh Bình Định)*

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Hoạt động/sản phẩm</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH</b>		
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính, khen thưởng năm 2023 và triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2024	Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 19/02/2024	Sở Nội vụ
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023	Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Sở Nội vụ
1.2	Công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2023	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.3	Khen thưởng trong công tác cải cách hành chính	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	Sở Nội vụ
2	Kiểm tra cải cách hành chính năm 2024	Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	Sở Nội vụ
3	Truyền thông về cải cách hành chính năm 2024	Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Sở Nội vụ
4	Khảo sát đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2024	Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 17/8/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Cải thiện nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024	Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số PCI của tỉnh Bình Định đến năm 2025	Sở Nội vụ
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>		
6	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	Sở Tư pháp
7	Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	Sở Tư pháp
8	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	Sở Tư pháp

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
9	Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023	Sở Tư pháp
10	Báo cáo kết quả thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023	Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 08/3/2024 về kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định trong kỳ hệ thống hóa 2019 – 2023.	Sở Tư pháp
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>		
11	Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025	Quyết định số 03/ĐA-UBND ngày 27/6/2024	Sở Nội vụ
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>		
12	Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định 1032/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</li> <li>- Quyết định 1042/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh</li> <li>- Quyết định 1051/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của UBND huyện An Lão</li> <li>- Quyết định 1057/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của UBND huyện Phù Cát</li> </ul>	Sở Nội vụ
13	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024	Sở Nội vụ

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Hoạt động/sản phẩm</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>
	tỉnh (thường xuyên và đào tạo chuyên sâu) năm 2024		
14	Kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025	Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025	Sở Nội vụ
15	Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã	Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 về Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nội vụ
<b>V</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>		
16	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024	Sở Thông tin và Truyền thông
17	Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024	Sở Thông tin và Truyền thông

**Phụ lục II**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số \_\_\_\_\_/BC-UBND ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / 2024 của UBND tỉnh Bình Định)*

**Biểu mẫu 1**  
**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	15	
2.	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	56,66	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	17	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	20	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	Đang trong thời gian xử lý
4.	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b> <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	4/5	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	3/5	
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	131	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	51	Đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 80 nhiệm vụ trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	-	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	0	

24  
**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>55</sup> do địa phương ban hành</b>	Văn bản	<b>57</b>	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	49	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	08	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	00	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	08	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	33	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	33	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	33	

<sup>55</sup>Văn bản quy phạm pháp luật.



**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	19	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	174	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	172	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.554	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	340	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	159	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	362	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	96	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,93%	(3.1.2)/(3.1.1)
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	48.263	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	48.227	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,81%	(3.2.2)/(3.2.1)
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	78.655	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	78.503	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,86%	(3.3.2)/(3.3.1)
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	116.454	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	116.288	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	27	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	14	Còn 13 PAKN đang giải quyết còn trong hạn

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/9/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	713	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	7	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	122	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	584	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	18,33	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.162	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.989	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	08	Thực hiện chế độ tinh giản
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	13,63	
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.948	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	25.948	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	41	Thực hiện chính sách tinh giản
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	15,77	

**Biểu mẫu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/9/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22/22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	720/720	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	33	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	3	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	820	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	-	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		26	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	26	

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/9/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	<b>52,7</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	14.881.379	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	7.851.613	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	<b>738</b>	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	202	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>10</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>30</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>162</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	490	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100	
4.	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
<b>6.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	(1.4.2)/(1.4.1)
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	803	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	803	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	130	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	(1.5.2)/(1.5.1)
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.048	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.048	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	158	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	64,94%	(1.6.2)/(1.6.1)
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.851	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1202	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	99,86%	(1.7.2)/(1.7.1)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	24.392	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	24.357	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	(1.8.2)/(1.8.1)
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	583	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	583	

---